

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CỦA
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TRƯỜNG SƠN
*Năm báo cáo 2010***

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng

- + Việc thành lập: Sau một thời gian dài chuẩn bị, Công ty cổ phần chứng khoán Trường Sơn (TSS) được thành lập theo quyết định số 101/UBCK-GP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước với số vốn điều lệ là 41 tỷ đồng (Bốn mươi một tỷ đồng) với hai nghiệp vụ chính là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.
- + Các sự kiện khác: Ngày 19/02/2009 TSS chính thức trở thành thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Hai tuần sau, TSS chính thức trở thành thành viên giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/03/2009.
- + Tháng 11/2010 triển khai mở một chi nhánh trong thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 951/QĐ-UBCK

2. Quá trình phát triển.

- + Ngành nghề kinh doanh: Với số vốn điều lệ là 41 tỷ đồng, TSS được phép hoạt động với hai nghiệp vụ là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.
- + Tình hình hoạt động: Sau hai năm hoạt động kể từ ngày chính thức được kết nối với 2 sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, TSS đã có hơn 1200 tài khoản với tổng giá trị giao dịch trong năm tới hơn 2,700 tỷ đồng.

3. Định hướng phát triển

- + Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - Không ngừng nâng cao thị phần môi giới bằng việc chú trọng hoàn thiện và nâng cao hệ thống công nghệ, sử dụng đội ngũ nhân viên môi giới giỏi nghề và có đạo đức, không ngừng đưa ra sản phẩm, dịch vụ mới có chất lượng cao phục vụ khách hàng.
 - Từng bước xây dựng đội ngũ các nhân viên tư vấn đầu tư giỏi để khẳng định chất lượng tư vấn đầu tư của TSS trên thị trường.
 - Chú trọng phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro nhằm ngăn ngừa mức tối thiểu rủi ro.
 - Đảm bảo sự minh bạch trong việc quản lý tiền gửi và chứng khoán của nhà đầu tư qua đó nâng cao hiệu quả, uy tín của công ty.
- + Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Sử dụng công nghệ hiện đại, nhân lực được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm, có đạo đức nghề nghiệp để phát triển các sản phẩm và dịch vụ của công ty.
- Hợp tác chặt chẽ với các Ngân hàng, Công ty tài chính, Công ty bảo hiểm, v.v... để huy động tối đa các nguồn tài chính hỗ trợ cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
- Không ngừng nghiên cứu và đưa ra những sản phẩm, dịch vụ mới phục vụ khách hàng.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

Năm 2010-Những khó khăn và thử thách

Năm 2010 khép lại với nhiều biến động bất lợi của nền kinh tế, những chính sách vĩ mô khó dự đoán và nỗi buồn tràn đầy trên thị trường chứng khoán nói chung. Xu thế thị trường năm 2010 là tình trạng lình xình đi ngang và giảm điểm kéo dài, sự rút đi của dòng tiền và suy giảm niềm tin của NĐT. Tính cả năm VN-Index giảm 6.26% và HNX-Index giảm 36.5% so với đầu năm .

Lạm phát năm 2010 vượt mức 2 con số , đạt đến 11.75%. Đây là mức lạm phát cao nhất kể từ năm 1992 đến nay ngoại trừ mức tăng năm 2007-2008.Tiền VND bị mất giá và lãi suất tăng cao, trong vòng một năm từ tháng 11/2009-10/2010 NHNN đã phải 3 lần thực hiện điều chỉnh tỷ giá liên ngân hàng. Lãi suất trên thị trường tiền tệ tăng mạnh, đặc biệt là trong những tháng cuối năm lãi suất huy động phổ biến từ 14%-16%, lãi suất cho vay từ 19-20%,

Những bất ổn nói trên của nền kinh tế đã tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán, ảnh hưởng mạnh mẽ đến doanh thu của công ty CP Chứng Khoán Trường Sơn.

Lạm phát tăng mạnh đã buộc chính phủ phải thắt chặt cung tiền, các ngân hàng thương mại thắt chặt tín dụng đồng thời lãi suất tín dụng của các ngân hàng thương mại tăng cao đã tác động đến việc sử dụng đòn bẩy tài chính của nhà đầu tư.

Được thành lập vào cuối năm 2008 và bắt đầu hoạt động từ đầu năm 2009, Công ty CP Chứng Khoán Trường Sơn phải đổi mới với rất nhiều khó khăn trong khi hơn 80% thị phần hiện đang thuộc về 20 công ty chứng khoán hàng đầu trong số hơn 100 công ty chứng khoán tại Việt Nam.

Năm 2010- Nỗ lực thực hiện kế hoạch đề ra

Do năm 2010 là một năm hoạt động đầy khó khăn thị trường liên tục đi ngang thậm chí nhiều lúc giảm sâu, mặc dù TSS đã cố gắng triển khai các hoạt động kinh doanh của mình nhưng việc thực hiện kế hoạch đề ra vẫn chưa thực hiện được:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch (KH) đề ra năm 2010	Thực hiện (TH) năm 2010	TH/KH năm 2010 (%)
1	Doanh thu	triệu đồng	40.000	21.985	54.96
2	Lợi nhuận	triệu đồng	5.000	768	15.36

Năm 2011- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Năm 2011 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, Quốc hội và Chính phủ đã đặt mục tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7-7,5%, chỉ số tăng giá tiêu dùng tăng không quá 7%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 10% so với năm 2010, nhập siêu không vượt quá 18% kim ngạch xuất khẩu. Bên cạnh đó, bội chi ngân sách nhà nước được đặt mục tiêu kiềm chế ở mức khoảng 5,35% GDP, tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bằng 40% GDP...

Để đạt mục tiêu này trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp đòi hỏi Chính phủ phải có sự chỉ đạo quyết liệt. Vì vậy, ngay trong những ngày đầu năm 2011, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 02 ngày 09/01/2011 đề ra 07 nhóm giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế xã hội năm 2011 trong đó nhấn mạnh mục tiêu và nhóm giải pháp: *tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Cụ thể là phải kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định thị trường; kiểm soát nhập siêu, cải thiện cán cân thanh toán; duy trì bảo đảm ổn định hệ thống tiền tệ, tín dụng, ngân hàng; tăng cường kỷ luật tài chính, phấn đấu giảm bội chi ngân sách, bảo đảm dư nợ Chính phủ, nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia trong giới hạn an toàn.*

Môi trường kinh tế vĩ mô trong năm 2011 dự báo có những thuận lợi cơ bản: Trên bình diện quốc tế, năm 2011 là năm nền kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi bền vững sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Chỉ tiêu của người dân các nước phát triển tiếp tục tăng lên là cơ hội cho xuất khẩu của các nước đang phát triển. Các tổ chức quốc tế dự đoán sẽ có một làn sóng đầu tư mới vào các nước đang phát triển. Vì vậy, đây là cơ hội để nước ta tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài bao gồm cả FDI và FII, tăng cường thu hút các khoản hỗ trợ ODA và tăng trưởng xuất khẩu.

Năm 2011 TTCK được kỳ vọng có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với năm cũ. Tuy vậy năm 2011 còn nhiều thách thức đến từ tỷ giá và lạm phát, nhiều chuyên gia cho rằng đây là thời điểm định của lãi suất.

Các rủi ro như lạm phát, lãi suất, tỷ giá, sức mạnh của dòng tiền, tâm lý nhà đầu tư... trong năm 2010 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến TTCK trong năm 2011 tuy nhiên mức độ ảnh hưởng sẽ dịu lại. Hiện nay, NHNN đã công bố kế hoạch sẽ bình ổn thị trường tiền tệ và tỷ giá với đề án vừa trình Chính phủ. Đặc biệt là chính sách kiềm chế lạm phát và giảm nhập siêu để cân bằng cán cân thương mại. Đây là tín hiệu khả quan giúp TTCK có thể khởi sắc trong năm tới. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng sự tăng trưởng của TTCK năm 2011 nếu có vẫn khó có thể bền vững khi áp lực lên tỷ giá và lãi suất vẫn là vấn đề hóc búa. Tâm lý nhiều nhà đầu cơ ngoại tệ vẫn kỳ vọng việc NHNN tăng tỷ giá trong những tháng đầu năm có thể gây tâm lý e ngại đối với nhà đầu tư ngoại.

Với việc xác định tầm nhìn và sứ mệnh rõ ràng, cùng những kết quả đã đạt được trong năm qua, chúng tôi tin tưởng rằng TSS sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm tiếp theo để thực hiện hóa sứ mệnh “*trở thành một định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính chuyên nghiệp và chất lượng cao cho khách hàng, đem lại hiệu quả đầu tư tối ưu cho các cổ đông và nhà đầu tư, tạo sự hài lòng về vật chất và tinh thần cho mọi thành viên liên quan*”

III. Báo cáo của Ban Giám đốc:

Vị thế của công ty trong ngành: Hiện tại, ở Việt Nam đã có hơn 100 công ty chứng khoán, trong đó 20 công ty chứng khoán hàng đầu chiếm đến 80% thị phần, 20% thị phần chia cho hơn 80 công ty chứng khoán còn lại. Là một công ty mới thành lập, với những cố gắng không mệt mỏi của mình, TSS đã dần khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường và chiếm khoảng 0.5% thị phần.

Điểm mạnh-S

Bên cạnh hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, cơ sở vật chất khang trang với 1 sàn giao dịch chứng khoán rộng tới 500m² được thiết kế án tượng theo phong cách Châu Âu, TSS có được một hệ thống nhân sự được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, có nhiều kinh nghiệm làm việc, quản lý trong ngành.

Các sản phẩm tư vấn, đòn bẩy tài chính được TSS triển khai rộng khắp đến tất cả các đối tượng khách hàng đáp ứng nhu cầu về tài chính cũng như kiến thức, thông tin phục vụ cho việc đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư

Uy tín và thương hiệu của TSS đã được khẳng định và ngày càng nâng cao trên thị trường; các loại hình sản phẩm cũng như cơ chế hoa hồng cho môi giới được triển khai ngày càng đa dạng, tạo thế cạnh tranh trên thị trường.

TSS đã xây dựng hệ thống thành công hệ thống kiểm soát rủi ro của riêng mình phù hợp với các sản phẩm hỗ trợ tài chính của TSS, đảm bảo kiểm soát tốt các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình kinh doanh.

TSS có đội ngũ lãnh đạo tâm huyết, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm quản lý. Đội ngũ cán bộ nghiệp vụ trong năm qua không ngừng được củng cố, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Nguồn nhân lực trẻ, có trình độ, năng động, sáng tạo, nhiệt tình, đoàn kết và có trách nhiệm cao chính là sự khẳng định cho sự phát triển bền vững trong tương lai của TSS.

Điểm yếu-W

Do hoạt động kinh doanh chỉ bao gồm 2 nghiệp vụ môi giới và tư vấn nên cũng đã bỏ lỡ những cơ hội tăng thu nhập từ hoạt động tự doanh. Tiềm lực tài chính chưa dồi dào nên có ảnh hưởng tới việc hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư nên thị phần chỉ ở mức hạn chế, bình quân 0,5%/giá trị giao dịch toàn thị trường.

Cơ hội-O

Khi nền kinh tế phục hồi, trong khi giá bất động sản quá cao, việc đầu tư vàng trên sàn giao dịch bị đóng cửa thì kênh đầu tư chứng khoán sẽ trở nên vô cùng hấp dẫn đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước khi giá chứng khoán ở Việt Nam vẫn còn tương đối rẻ so với giá chứng khoán trong khu vực.

Việc Ủy ban chứng khoán nhà nước đang triển khai thực hiện rút ngắn thời gian giao dịch (T2) sẽ góp phần làm tăng giá trị giao dịch toàn thị trường, qua đó tăng doanh thu cho công ty.

Việc công bố số liệu thống kê mới nhất của Grant Thornton International gần đây cho thấy đầu tư vào Việt Nam cho lợi nhuận cao nhất thế giới. Điều này sẽ là yếu tố quan trọng cho việc ra quyết định đầu tư vào Việt Nam của các nhà đầu tư nước ngoài trong những năm tới.

Thách thức-T

Tính cạnh tranh cao do TSS mới tham gia thị trường trong khi các đối thủ cạnh tranh có nhiều kinh nghiệm lâu năm và tiềm lực tài chính mạnh.

Giá trị giao dịch chứng khoán phụ thuộc nhiều vào tình hình kinh tế thế giới nói chung và tình hình kinh tế Việt Nam nói riêng. Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết có ảnh hưởng lớn tới việc ra quyết định mua, bán của nhà đầu tư.

Để tồn tại trong thời kỳ mới, yêu cầu phải duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong khi các công ty chứng khoán khác cũng cần nguồn nhân lực và có thể lôi kéo nhân lực từ TSS.

Hệ thống chính sách và cơ chế pháp luật của Việt Nam chưa thực sự hoàn thiện và đồng bộ, tính ổn định lại không cao.

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán
- Hiện thời (TSLĐ/Nợ ngắn hạn): 1,98 lần
- Thanh toán nhanh (TSLĐ – hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn: 1,98 lần
- Thanh toán bằng tiền (Tiền và tương đương tiền / Nợ ngắn hạn): 0,29 lần

- Phân tích những biến động:

Vì thời gian hoạt động chưa lâu và do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và những khó khăn kinh tế nên hoạt động của thị trường chứng khoán còn gặp nhiều khó khăn và không ổn định, do đó lãi trong năm 2010 chưa cao.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

+ Tổng tài sản:	109.963.428.247
+ Tổng nợ phải trả:	81.306.707.741
+ Tổng vốn chủ sở hữu:	28.656.720.506

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Không
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): 4,100,000 cổ phiếu thường
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 4,100,000 cổ phiếu thường.
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): Không có
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: Không

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động môi giới: Do chúng ta là cty mới đi vào hoạt động (19/2/09 thông sàn HN, 4/3/09 thông sàn HCM) nên lượng khách còn chưa nhiều, mặc dù chúng ta đã phải có nhiều chương trình khuyến mãi như: giảm phí giao dịch trong 3 tháng, giảm phí giao dịch cho các khách hàng lớn, chương trình quà tặng....Lỗ thuần của hoạt động môi giới là 768 triệu. Tuy vậy, trong 2 năm chúng ta đã có hơn 1200 TK, giá trị giao dịch chiếm khoảng 0,5% thị trường. Trong khi 20 cty CK hàng đầu đã chiếm tới 80% thị phần, hơn 80 cty còn lại chiếm 20% thị phần (trong đó có nhiều cty CK đã thành lập và hoạt động lâu trên thị trường như CTCK NH BIDV, CTCK NH Công thương, CTCK NH NN&PTNT, CTCK An Bình, v.v..) thì đây cũng là một điều thể hiện sự cố gắng của Ban GD và toàn thể nhân viên công ty.

Hoạt động tư vấn: Chưa tiến hành hoạt động này nên năm 2010 không có lỗ lãi gì. Thông thường hoạt động này thường không đem lại lợi nhuận và chỉ là phục vụ hoạt động tư vấn cho khách hàng.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Về cơ cấu tổ chức:

Trong năm qua, cơ cấu tổ chức của công ty đã được tinh gọn để đảm bảo tính hiệu quả trong công việc của các nhân viên, giảm chi phí, đảm bảo được chất lượng sản phẩm và dịch vụ phục vụ khách hàng. Với định hướng tập trung vào hoạt động môi giới, phòng Môi giới đã được tổ chức lại thành 2 phòng tại Hội sở và chi nhánh. Nhân sự từng phòng được bố trí lại cho phù hợp với năng lực của từng nhân viên. Phòng Phân tích và đầu tư đã được thành lập và đang hoạt động có hiệu quả. Phòng đã có những sản phẩm phân tích thị trường hàng ngày, hàng tuần, phân tích ngành, phân tích cổ phiếu, xây dựng được cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc phân tích đánh giá và từ đó phục vụ cho việc tư vấn đầu tư được tốt hơn. Các phòng kế toán cũng được bố xung để đảm bảo việc hạch toán kế toán, đảm bảo nguồn vốn hỗ trợ nhà đầu tư.

+ Về chính sách:

Những chính sách hiện có luôn luôn được xem xét và cải tiến để nhằm phục vụ khách hàng, phục vụ cho việc phát triển của công ty ngày càng tốt hơn. Chính sách về phí giao dịch, các chính sách chăm sóc khách hàng, chính sách hoa hồng cho môi giới, các chính sách đối với nhân viên v.v....luôn luôn được xem xét và sửa đổi cho phù hợp.

+ Về quản lý:

Trong năm 2010 các quy trình, quy định được thiết lập và đảm bảo cho hoạt động của công ty được thông suốt. Các quy trình cho hoạt động môi giới, IT, các quy định về chế độ tài chính, các nội quy, quy chế khác đã được thiết lập và luôn được làm cho phù hợp với những thay đổi của tình hình. Trong năm qua không có trực trặc lớn trong hoạt động của công ty.

- Các biện pháp kiểm soát :

Quy trình kiểm soát nội bộ đã được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty. Định kỳ, Công ty tiến hành xem xét, đánh giá và có giải pháp nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Ban lãnh đạo Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tăng thị phần môi giới nhờ những giải pháp: Không ngừng hiện đại hóa hệ thống công nghệ, xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, chính sách đối với khách hàng và nhân viên năng động.
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn đầu tư.
- Tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh: Tăng thu, giảm chi, phấn đấu kinh doanh có lãi.



Số : 21/2011/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn

Kính gửi : **Hội đồng quản trị**
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 25/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

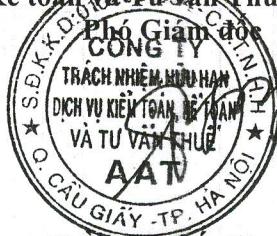
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán,
Kế toán và Tư vấn Thuế AAT



Trần Thị Yến Ngọc
Chứng chỉ KTV số: 0926/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Hải Yên
Chứng chỉ KTV số: 0944/KTV

2. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
100	A	TÀI SẢN NGẮN HẠN		95,077,691,153	43,456,571,670
110	I	<i>Tiền</i>	1	14,070,892,651	26,205,041,873
111	1	Tiền		13,270,892,651	7,205,041,873
112	2	Các khoản tương đương tiền		800,000,000	19,000,000,000
120	II	<i>Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn</i>	04	61,251,983,116	6,368,964,106
121	1	Đầu tư ngắn hạn		61,251,983,116	6,368,964,106
129	2	Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	II	<i>Các khoản phải thu</i>	11	19,029,634,087	10,499,319,519
131	1	Phải thu của khách hàng		3,888,640,325	9,615,170,431
132	2	Trả trước cho người bán		11,973,628,000	323,468,000
133	3	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
135	5	Các khoản phải thu khác		3,379,793,362	773,108,688
136	6	Dự phòng phải thu khó đòi (*)		(212,427,600)	(212,427,600)
140	IV	Hàng tồn kho	02	-	-
150	V	Tài sản ngắn hạn khác		725,181,299	383,246,172
		Tạm ứng			
151	1	Chi phí trả trước ngắn hạn		373,159,127	
154	3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		339,172,172	339,172,172
158	4	Tài sản ngắn hạn khác		12,850,000	44,074,000
200	B	TÀI SẢN DÀI HẠN		14,885,737,094	12,717,033,796
210	I	Các khoản phải thu dài hạn	11		
220	II	Tài sản cố định		10,328,948,910	7,458,592,785

221	1	Tài sản cố định hữu hình	05	7,135,522,937	4,879,841,139
222	-	Nguyên giá		9,626,378,368	6,467,055,588
223	-	Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(2,490,855,431)	(1,587,214,449)
224	2	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3	Tài sản cố định vô hình	06	3,193,425,973	2,412,440,646
228	-	Nguyên giá		3,902,182,996	2,737,182,996
229	-	Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(708,757,023)	(324,742,350)
230	4	Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang			166,311,000

II

I Bất động sản đầu tư

IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

260	V	Tài sản dài hạn khác		4,556,788,184	5,258,441,011
261	1	Chi phí trả trước dài hạn	07	3,510,432,966	4,765,892,621
263	3	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	10	401,302,145	120,000,000
268	4	Tài sản dài hạn khác		645,053,073	372,548,390

250 TỔNG CỘNG TÀI SẢN **109,963,428,247** **56,173,605,466**

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2010	1/01/2010
300	A NỢ PHẢI TRẢ		81,306,707,741	28,285,101,197
310	I Nợ ngắn hạn		48,056,707,741	28,285,101,197
311	1 Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2 Phải trả người bán		4,588,500	170,899,500
313	3 Người mua trả tiền trước		-	-
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	89,359,498	19,884,808
315	5 Phải trả người lao động		3,747,316	-
316	6 Chi phí phải trả	12		251,912,199
317	7 Phải trả nội bộ		-	-
320	8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1	11,997,312,758	5,803,319,071
321	9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		31,345	-
322	10 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
328	11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	35,961,668,324	22,039,085,619
329	12 Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II Nợ dài hạn		33,250,000,000	-
331	1. Phải trả dài người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ	14	-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		33,250,000,000	-

334	4.	Vay và nợ dài hạn	15	-	-
335	5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	09	-	-
336	6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-
337	7.	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
339	8.	Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	-	-	-
400	B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	28,656,720,506	27,888,504,269
410	I	Vốn chủ sở hữu		28,656,720,506	27,888,504,269
411	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41,000,000,000	41,000,000,000
412	2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
413	3	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
414	4	Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7	Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8	Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	9	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(12,343,279,494)	(13,111,495,731)	-
430	II	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		109,963,428,247	56,173,605,466

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	31/12/2009	01/01/2009
001	1 Tài sản cố định thuê ngoài	-	-	-
002	2 Vật tư, chứng chỉ nhận giữ hộ	-	-	-
003	3 Tài sản nhận ký cược	-	-	-
004	4 Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
005	5 Ngoại tệ các loại (USD)			13,330
006	6 Chứng khoán lưu ký		68,463,350,000	9,308,180,000
	Trong đó:			
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		68,463,350,000	9,308,180,000
008	6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký			
009	6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		68,463,350,000	9,308,180,000
010	6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài			
011	6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác			
012	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			
017	6.3 Chứng khoán cầm cố			
022	6.4 Chứng khoán tạm giữ			
027	6.5 Chứng khoán chờ thanh toán			
032	6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút			
037	6.7 Chứng khoán chờ giao dịch			
042	6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo các khoản vay			
047	6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch			

**Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm
050 7 yết**

Trong đó:

- 051 7.1 **Chứng khoán giao dịch**
- 056 7.2 **Chứng khoán tạm ngừng giao dịch**
- 061 7.3 **Chứng khoán cầm cố**
- 066 7.4 **Chứng khoán tạm giữ**
- 071 7.5 **Chứng khoán chờ thanh toán**
- 076 7.6 **Chứng khoán phong tỏa chờ rút**
- 081 7.7 **Chứng khoán sửa lỗi giao dịch**
- 082 8 **Chứng khoán lưu ký của khách hàng**
- 083 9 **Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán**
- 084 10 **Chứng khoán nhận ủy thác đấu giá**

Người lập biểu

Dương Thị Thanh Nhàn

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Lan Anh



Hồ Hoài Nam

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
01 1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	17	21,994,758,041	12,422,974,695
	Trong đó:			
01.1 -	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		5,150,082,899	4,527,015,509
01.2 -	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		2,380,934,155	5,729,912,626
01.3 -	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4 -	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
01.5 -	Doanh thu hoạt động tư vấn		-	-
01.6 -	Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	-
01.7 -	Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá		-	-
01.8 -	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9 -	Doanh thu khác		14,463,740,987	2,166,046,560
02 2	Các khoản giảm trừ doanh thu	18	9,432,851	63,840,338
				12,359,134,
10 3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	21,985,325,190	12,359,134,357
11 4	Chi phí hoạt động kinh doanh	20	10,909,788,076	15,555,010,064

20	5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	11,075,537,114	(3,195,875,707)
25	6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,315,065,607	9,621,080,309
30	7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	760,471,507	(12,816,956,016)
31	8	Thu nhập khác	7,744,730	66,886,245
32	9	Chi phí khác		77,836,117
40	10	Lợi nhuận khác	7,744,730	(10,949,872)
50	11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	768,216,237	(12,827,905,888)
51	12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	-
52	13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
60	14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	768,216,237	(12,827,905,888)
70	15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		-

Người lập biểu

Dương Thị Thanh Nhàn

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Lan Anh

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011



Hồ Hoài Nam

4 .Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LUƯ CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp) 2010

Mã số	Thuyết minh	2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	1,096,634,291	1,804,676,750
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	(2,535,733,529)	(545,603,220)
05	3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	(266,524,249)	
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	588,510,402,030	342,128,856,000
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	(607,726,779,178)	(431,314,163,000)
08	6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	-	
09	7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(18,838,168,133)	(3,184,095,745)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động	(4,608,532,765)	(2,527,881,290)
12	10. Tiền chi trả lãi vay	(3,151,510,339)	-
13	11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(391,342,946)
14	12. Tiền thu khác	1,217,587,964,168	158,020,780,515

15	13. Tiền chi khác	(1,216,403,236,787)	(149,716,572,092)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(46,335,484,491)	(85,725,345,028)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1,094,269,461)	(1,979,400,594)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(325,537,027,177)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	310,349,476,349
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(230,031,200,000)	(669,409,345,565)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	232,069,060,000	780,720,053,191
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	943,590,539	94,143,756,204
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại	-	-
32	2. Cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	37,190,000,000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(3,940,000,000)	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	33,250,000,000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(12,141,893,952)	8,418,411,176
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	26,205,041,873	17,759,997,357
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	7,744,730	26,633,340
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	14,070,892,651	26,205,041,873

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Hồ Hoài Nam

5. Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần chứng khoán Trường Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 101/UBCK-GP ngày 11 tháng 12 năm 2008.

Vốn điều lệ : 41.000.000.000 (Bốn mươi mốt tỷ đồng).

Vốn pháp định : 35.000.000.000 (Ba mươi lăm tỷ đồng)

Trụ sở chính : Tầng 4, tòa nhà Nhất Lộc Phát, số 168 Phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty theo Giấy phép thành lập:

- + Môi giới chứng khoán;
- + Tư vấn đầu tư chứng khoán;

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư số 95/2008/TT-BTC, các hướng dẫn sửa đổi bổ sung và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

II I THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	Tiền	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
	Tiền mặt tại quỹ	716,190,658	414,258,818
	Tiền gửi ngân hàng	604,110,953	1,061,856,901
	Tiền đang chuyển		
	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	800,000,000	19,000,000,000
	Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	11,950,591,040	5,728,926,154

Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Cộng	<u>14,070,892,651</u>	<u>26,205,041,873</u>
------	-----------------------	-----------------------

(*) Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày 31/12/2010

	31/12/2010 VND	Kỳ hạn
- Ngân hàng Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	<u>800,000,000</u>	<u>1 tháng</u>
Cộng	<u>800,000,000</u>	

02 . Hàng tồn kho

03 . Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

04 . Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chứng khoán thương mại		
Đầu tư góp vốn		
Đầu tư ngắn hạn		
khác		
<i>Cầm cố chứng khoán cho Nhà đầu tư</i>	61,251,983,116	6,368,964,106
<i>Cho vay hỗ trợ Nhà đầu tư</i>	<u>3,889,000,000</u>	<u>142,000,000</u>
Cộng	<u>57,362,983,116</u>	<u>6,226,964,106</u>
	<u>61,251,983,116</u>	<u>6,368,964,106</u>

05 . Tài sản cố định

a) Tình hình tăng giảm tài sản cố định hưu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	6,467,055,588			6,467,055,588
2. Số tăng trong năm	1,554,556,866	651,361,000	953,404,914	3,159,322,780
- Mua sắm mới	<u>1,554,556,866</u>	<u>651,361,000</u>	<u>953,404,914</u>	<u>3,159,322,780</u>
- Tăng khác				
3. Số giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4. Số dư cuối năm	8,021,612,454	651,361,000	953,404,914	9,626,378,368
II. Giá trị HM luỹ kế				

1. Số dư đầu năm	1,587,214,449		1,587,214,449
2. Số tăng trong năm	862,629,366	41,011,616	903,640,982
- <i>Trích khấu hao</i>	862,629,366	41,011,616	903,640,982
- <i>Tăng khác</i>			-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>			-
- <i>Giảm khác</i>			-
4. Số dư cuối năm	2,449,843,815	41,011,616	2,490,855,431
III. Giá trị còn lại			-
1. Đầu năm	4,879,841,139	-	4,879,841,139
2. Cuối năm	5,571,768,639	610,349,384	953,404,91
			7,135,522,937

06 . Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Công
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm		2,737,182,996	2,737,182,996
2. Số tăng trong năm		1,165,000,000	1,165,000,000
- <i>Mua sắm mới</i>		993,910,000	993,910,000
- <i>Tăng khác</i>		171,090,000	171,090,000
3. Số giảm trong năm		-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>		-	-
- <i>Giảm khác</i>		-	-
4. Số dư cuối năm		3,902,182,996	3,902,182,996
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế			
1. Số dư đầu năm		324,742,350	324,742,350
2. Số tăng trong năm		384,014,673	384,014,673
- <i>Trích khấu hao</i>		384,014,673	384,014,673
- <i>Tăng khác</i>		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>		-	-
- <i>Giảm khác</i>		-	-
4. Số dư cuối năm		708,757,023	708,757,023
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm		2,412,440,646	2,412,440,646
2. Cuối năm		3,193,425,973	3,193,425,973

07 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí trước hoạt động	3,144,463,685	4,237,431,427
Thiết bị, máy móc, dụng cụ văn phòng	356,615,281	511,489,765
Chi phí cải tạo văn phòng	9,354,000	16,971,429
	3,510,432,966	4,765,892,621

08 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	113,818	155,179
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	89,245,680	18,756,429
Các loại thuế khác	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	873,200
Cộng	89,359,498	19,784,808

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

09 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

10 . Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
- Tiền nộp bổ sung	266,524,249	-
- Tiền lãi phân bổ trong năm	14,777,896	-
Cộng	401,302,145	120,000,000

11 . Các khoản phải thu dài hạn

12 . Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí thuê ngoài (điện, nước, bảo vệ...)	-	68,300,599
Trích trước chi phí kiểm toán	-	44,000,000
Chi phí phải trả khác	-	139,611,600
Cộng	-	251,912,199

13 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	27,000,000
Kinh phí công đoàn	11,707,740	6,101,468
Bảo hiểm xã hội	-	27,604,600
Bảo hiểm y tế	-	4,140,690
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2,760,460
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	35,949,960,584	21,971,478,401

Cộng	35,961,668,324	22,039,085,619
(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Nhận môi giới trái phiếu chính phủ của Nhà Đầu tư</i>	35,889,000,000	20,825,200,000
- <i>Bùi Minh Hải</i>		<i>6,541,500,000</i>
- <i>Phạm Tuấn Anh</i>		<i>7,411,050,000</i>
- Vay cầm cố ký quỹ của Nhà đầu tư tại các ngân hàng	35,889,000,000	
+ <i>Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long</i>	9,000,000,000	
+ <i>Ngân hàng Liên Việt - CN Thăng Long</i>	3,889,000,000	
+ <i>Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa - PGD Bạch Mai</i>	23,000,000,000	
- <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>		<i>6,730,650,000</i>
- <i>Nguyễn Thị Thu Hà</i>		<i>142,000,000</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	60,960,584	1,146,278,401
Cộng	35,949,960,584	21,971,478,401

14 . Phải trả dài hạn nội bộ

15 . Vay dài hạn

16 . Vốn chủ sở hữu

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguồn vốn kinh doanh	41,000,000,000			41,000,000,000
1. Vốn góp ban đầu	41,000,000,000	-	-	41,000,000,000
2. Vốn bổ sung	-	-	-	-
- Thặng dư vốn cổ phần				
- Bổ sung từ lời	-	-	-	-
- Bổ sung từ nguồn khác	-	-	-	-
3. Chứng khoán ngân quỹ thuần	-	-	-	-
- Chứng khoán ngân quỹ				
- Dự phòng CK ngân quỹ	-	-	-	-
II. Các quỹ và lợi nhuận	(13,111,495,731)	768,216,237		(12,343,279,494)
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
2. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
- Dự trữ pháp định				
- Dự trữ theo điều lệ công ty	-	-	-	-
- Dự trữ bất thường	-	-	-	-
- Dự trữ khác	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng TCMVL	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối				
(*)	(13,111,495,731)	768,216,237		(12,343,279,494)
5. Quỹ khen thưởng, phúc	-	-	-	-

lợi

Tổng cộng	27,888,504,269	768,216,237	-	28,656,720,506
------------------	-----------------------	--------------------	----------	-----------------------

b) Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau

	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số tiền đã góp đến 31/12/2010
Cổ đông sáng lập	2,009,000	20,090,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam	1,025,000	10,250,000,000
Ngân hàng TNCP Việt Á	205,000	2,050,000,000
Ông Hoàng Minh Trường	369,000	3,690,000,000
Ông Phạm Ngọc Thắng (*)	205,000	2,050,000,000
Ông Đào Hoàng Tuấn	205,000	2,050,000,000
Các cổ đông phổ thông	2,091,000	17,220,000,000
<i>Công ty CP Đầu tư Việt Nam</i>		<i>3,690,000,000</i>
Cộng	4,100,000	41,000,000,000

Ghi chú: Ông Phạm Ngọc Thắng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho ông Hoàng Minh Trường theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 18/05/2010 giữa ông Phạm Ngọc Thắng và Hoàng Minh Trường. Số cổ phần chuyển nhượng: 205.000 cổ phần.

17 . Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	5,150,082,899	4,527,015,509
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2,380,934,155	5,729,912,626
Doanh thu khác	14,463,740,987	2,166,046,560
Cộng	21,994,758,041	12,422,974,695

18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

	2010 VND	2009 VND
Hoàn phí giao dịch	9,432,851	68,840,338
Cộng	9,432,851	68,840,338

19 . Doanh thu thuần

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh chứng khoán	21,985,325,190	12,359,134,357
Cộng	21,985,325,190	12,359,134,357

20 . Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	2010 VND	2009 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	892,380,011	1,053,078,343
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		12,198,775,157
Chi phí khác	8,608,615,301	1,193,999,894
- Chi phí lãi vay của hoạt động cầm cố trái phiếu chính phủ	4,899,180,080	
- Chi phí khác	3,709,435,221	1,193,999,894
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		1,408,792,764
- Chi phí nhân viên	1,357,616,764	1,011,067,438
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động		6,203,120
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		90,912,237
- Chi phí khác bằng tiền	51,176,000	973,875
Cộng	10,909,788,076	15,555,010,064

21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

	2010 VND	2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	768,216,237	(12,827,905,888)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng		106,110,000
- Các khoản điều chỉnh giảm		283,589,843
- Chuyển lỗ	768,216,237	
Tổng lợi nhuận tính thuế		(13,005,385,731)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

22 . Những thông tin bổ sung các khoản mục trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	11,950,591,040	5,728,926,154
Các khoản khác	-	-
11,950,591,040	5,728,926,154	

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LUU CHUYEN TIỀN TỆ

23 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT. Số liệu này đã được phân loại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Phân loại số dư đầu kỳ cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đính kèm	Số liệu phân loại lại
		báo cáo kiểm toán	Năm 2009
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(325.537.027.177)	(321.537.027.177)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	90.143.756.204	94.143.756.204
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.418.411.176	8.418.411.176
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.759.997.357	17.759.997.357
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	70	7.205.041.873	26.205.041.873

Hà nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Dương Thị Thanh Nhàn

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Lan Anh



Hồ Hoài Nam

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn thuế AAT

- Ý kiến kiểm toán độc lập : “Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của nó, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định kế toán lý có liên quan.

- Các nhận xét đặc biệt : Không

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ :

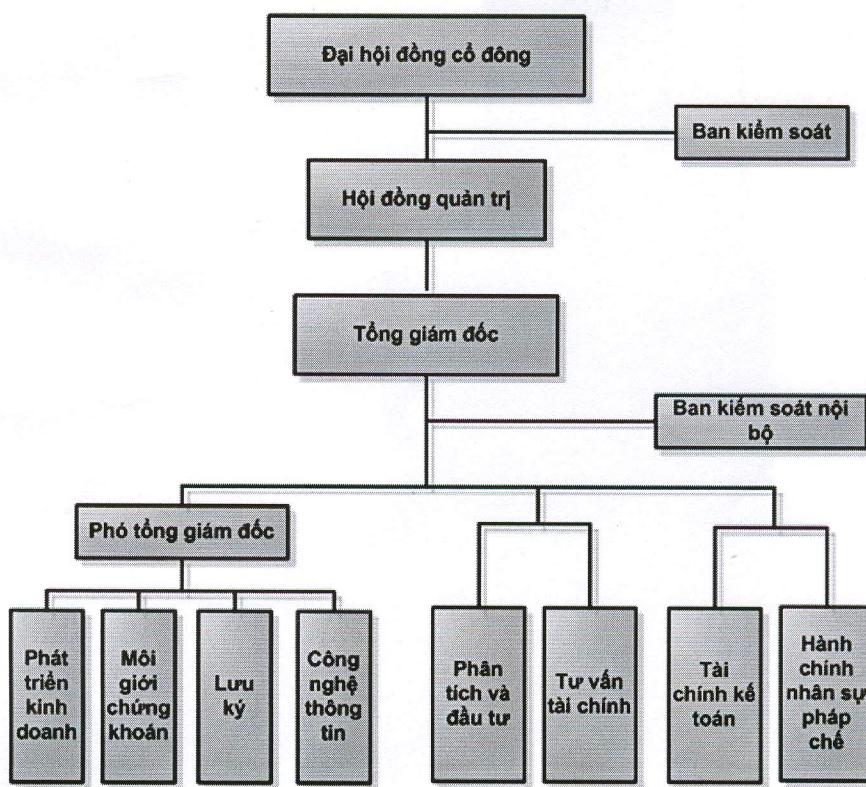
Sổ sách kế toán được mở và ghi chép đầy đủ, rõ ràng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc công bố thông tin định kỳ phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định của ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, Trung tâm lưu ký chứng khoán.

VI. Các công ty có liên quan:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : Không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : Không
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan : Không
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan : Không

VII. Tổ chức và nhân sự:

- Cơ cấu tổ chức của công ty



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Ông Hồ Hoài Nam – Tổng giám đốc.

Ông Hồ Hoài Nam đã có 9 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán, 6 năm kinh nghiệm làm kế toán trưởng tại các định chế tài chính, 02 năm kinh nghiệm làm Giám đốc tài chính tại công ty cổ phần chứng khoán Trường Sơn

Ông Hồ Hoài Nam tốt nghiệp Đại học Tài chính kế toán và Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

Hiện ông đang theo học Chương trình kiểm toán quốc tế công (ACCA).

Ông Thắng tốt nghiệp trường đại học Kinh tế quốc dân, chuyên ngành thương mại, tốt nghiệp Đại học ngoại ngữ chuyên ngành tiếng Anh.

2. Ông Nguyễn Trung Thành – Phó Tổng giám đốc.

Ông Nguyễn Trung Thành đã có hơn 2 năm làm việc cho công ty chứng khoán. Ông có hiểu biết sâu sắc thị trường chứng khoán và về môi trường kinh tế vĩ mô cũng như vi mô tại Việt Nam. Ông Thành đã tốt nghiệp MBA tại trường đại học Marshall (USA) được kiểm định bởi Hiệp hội danh tiếng AACSB.

3. Bà Hoàng Thị Lan Anh – Kế toán trưởng.

Bà Hoàng Thị Lan Anh đã có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, 6 năm kinh nghiệm làm kế toán trưởng tại các công ty lớn, sản xuất và thương mại. Bà Hoàng Thị Lan Anh đã tốt nghiệp Đại học Tài Chính Kế toán và đại học Kinh Tế quốc dân Hà Nội.

4. Ông Phạm Việt Thắng – Giám đốc IT.

Ông Phạm Việt Thắng đã có hơn 5 năm kinh nghiệm trong ngành Công nghệ thông tin, Ông có 4 năm làm quản lý công nghệ thông tin trong công ty FPT, 1 năm làm quản lý công nghệ thông tin tại Công ty chứng khoán SEABANK, Việt Nam.

Ông Thắng đã tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội, khoa toán tin ứng dụng. Ông được chứng nhận là chuyên gia quản trị cơ sở dữ liệu Oracle và Oracle RAC.

5. Ông Ngô Văn Doanh – Giám đốc môi giới chứng khoán.

Ông Ngô Văn Doanh đã có hơn 3 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán. Ông có kinh nghiệm làm quản lý nghiệp vụ môi giới chứng khoán ở Công ty chứng khoán APEC (Việt Nam), và quản lý kinh doanh trong lĩnh vực phân phối hàng tiêu dùng ở một số Công ty thương mại.

Ông Doanh đã tốt nghiệp Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà nội, khoa quản trị kinh doanh.

- **Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm :**Có, ông Phạm Ngọc Thắng miễn nhiệm Tổng Giám Đốc, Bổ nhiệm ông Hồ Hoài Nam lên Tổng Giám Đốc.

- **Quyền lợi của Ban Giám đốc:** Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc : Chưa

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động : Đến thời điểm 31/12/2010, toàn Công ty có 54 Cán bộ công nhân viên

+ Chính sách về tuyển dụng lao động

- Tuyển các ứng viên từ 18 tuổi trở lên.
- Mỗi ứng viên đến xin việc đều phải trải qua các vòng thi sơ tuyển do Phòng Nhân sự TSS thực hiện, được sự đồng ý tiếp nhận của Trưởng Bộ phận và được Tổng Giám đốc TSS phê duyệt trước khi bố trí việc làm.
- Các ứng viên vào làm việc phải đáp ứng được yêu cầu về sức khỏe và kinh nghiệm công tác cũng như các phẩm chất đạo đức theo quy định của mỗi vị trí công việc.

+ Chính sách lương

- Lương của CBNV sẽ được tính trên cơ sở: Chức danh công việc; phạm vi và trách nhiệm công việc đảm nhận cũng như những kết quả mà CBNV đó đạt được trong quá trình công tác tại TSS.
- Định kỳ 1 năm, CBNV TSS sẽ được xem xét điều chỉnh lương. Việc điều chỉnh tăng lương sẽ dựa trên kết quả công tác và thời gian làm việc của mỗi CBNV. Việc tăng lương hàng năm còn tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty và quyết định của Ban Tổng Giám đốc.
- Công ty sẽ thanh toán lương cho toàn bộ CBNV ngày 05 hàng tháng.
- Lương của mỗi CBNV sẽ được yêu cầu giữ bí mật và sẽ được trả qua tài khoản cá nhân của từng người mở tại một Ngân hàng do Công ty quy định.

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng : Ông Phạm Ngọc Thắng không làm thành viên Hội đồng quản trị, ông Phạm Ngọc Thắng miễn nhiệm Tổng Giám Đốc, Bổ nhiệm ông Hồ Hoài Nam lên Tổng Giám Đốc.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Hoàng Minh Sơn – đại diện góp vốn của Công ty cổ phần Đầu tư Việt Nam.

Ông Sơn đã có hơn 22 năm làm quản lý cấp cao và là thành viên hội đồng quản trị của nhiều công ty trong các lĩnh vực khác nhau. Cụ thể là:

- Phó tổng giám đốc Công ty SPCo – Kinh doanh nước giải khát và thiết bị văn phòng,
- Phó chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Miwon Việt Nam – Sản xuất, kinh doanh mì chính,

- Phó chủ tịch HĐQT Công ty Pepsi Việt Nam – Sản xuất kinh doanh nước giải khát,
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần nước giải khát Tribeco - Sản xuất, kinh doanh nước giải khát.

Hiện nay, ông đang đảm nhiệm các vị trí quan trọng gồm:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hoàng Minh – Kinh doanh lắp ráp xe máy và văn phòng cho thuê,
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư Việt Nam – Xây dựng và kinh doanh bất động sản,
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Rượu Việt Nam – Sản xuất kinh doanh Rượu,
- Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Việt Nam Quốc tế – Xây dựng và kinh doanh bất động sản,

Ông Hoàng Minh Sơn được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 12 tháng 06 năm 2007.

b. Uỷ viên Hội đồng quản trị: Ông Đỗ Hoàng Thiệu – đại diện góp vốn của Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Á.

Ông Đỗ Hoàng Thiệu đã có 35 năm kinh nghiệm làm giám đốc và thành viên hội đồng quản trị ngành Ngân hàng. Ông đã từng làm Giám đốc Ngân Hàng Trung Việt tại tỉnh Quảng Nam, Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại Cổ phần Đà Nẵng. Hiện nay ông Đỗ Hoàng Thiệu đang làm Phó Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Á, Uỷ viên trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Uỷ viên Mặt trận tổ quốc Thành phố Đà Nẵng.

Ông Đỗ Hoàng Thiệu là cử nhân Luật kinh tế - Trường Đại học luật Sài Gòn.

c. Uỷ viên Hội đồng quản trị: Ông Hoàng Minh Trường

Ông Trường đã có 7 năm kinh nghiệm ở các vị trí quản lý cấp cao. Ông đã từng là Phó Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Việt Nam - Xây dựng và kinh doanh bất động sản,

Giám đốc công ty Hoàng Thảo Nguyên – Công ty xây dựng.

Ông Trường đã tốt nghiệp đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh ngành tài chính, thạc sỹ ngành khách sạn và du lịch tại Đại học Centre Cesar Rits, Thụy Sĩ.

d. Uỷ viên Hội đồng quản trị: Ông Đào Hoàng Tuấn

Ông Đào Hoàng Tuấn đã tốt nghiệp đại học Hardwick, Hoa Kỳ, ngành Toán Kinh tế. Hiện nay ông Tuấn đang là nghiên cứu sinh tiến sĩ ngành tài chính tại trường đại học Boston, Hoa Kỳ.

e. Cố vấn cao cấp cho Hội đồng Quản trị: Ông Đào Văn Hùng

Ông Đào Văn Hùng – Giáo sư Tiến sĩ ngành Tài chính & ngân hàng, hiện là Phó Giám đốc học viện chính sách và phát triển-Bộ Kế hoạch và Đầu Tư. Ông đã có 24 năm nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã cố vấn thành lập nhiều Ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam, và là tư vấn cho Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Hiện tại, ông còn là thành viên của Hội đồng cố vấn quốc gia về chính sách tài chính và tiền tệ.

Ông Đào Văn Hùng được bầu làm Cố vấn cao cấp cho Hội đồng quản trị từ ngày 12 tháng 06 năm 2007.

- Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2010, Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện các công việc sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.
- Bổ nhiệm các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý quan trọng khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những chức danh đó.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên: Không

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo pháp luật và điều lệ công ty quy định.

- Thủ tục, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành:

- Công ty trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- Thủ tục, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc như sau
 - + Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng.
 - + Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - + Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng.
- Thủ tục, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát .
 - + Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo Quyết định của Đại hội cổ đông
 - + Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty : 07 người

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên:

+ Công ty cổ phần đầu tư Việt Nam thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phần từ 25% lên 34% trong đó có 9% là cổ đông phổ thông.

+ Ông Hoàng Minh Trường thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phần từ 9% lên 14% do ông Phạm Ngọc Thắng chuyển nhượng.

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : Không

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : Không

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Công đồng/thành viên góp vốn Nhà nước: Không có

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập:

Tên	Số CMND/ giấy ĐKKD	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp	Ngành nghề hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần	Biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần
Công ty Cp đầu tư Việt Nam	4103000666	Số 4, Thái Văn Lung, Phường Bến Nghé, Q1, TP Hồ Chí Minh	Đơn vị kinh doanh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	1.025.000	25%	0
Hoàng Minh Trường	023429097	325A Điện Biên Phủ, Phường 04, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh		574.000	14%	5%
Đào Hoàng Tuấn	012297423	70 C, Phố Linh Lang, Phường Công Vi, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh		205.000	5 %	0
Ngân hàng TMCP Việt Á	4103001665	119-121 Nguyễn Công Trứ, Quận I, TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		205.000	5 %	0

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : Không có

Trên đây là Bản báo cáo thường niên năm 2010, trong đó nêu rõ toàn bộ thông tin về Công ty Cổ phần chứng khoán Trường Sơn theo đúng chuẩn mực báo cáo thường niên theo qui định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC về công bố thông tin./.

TM. CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TRƯỜNG SƠN
Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

